

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DSST

Ngày: 27-9-2022

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Hằng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Tô Bích Đ, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 85, tổ 14, ấp Thanh Phước, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tô Đ, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 52, hẻm số 24, đường số 9, đường Phạm Văn Đồng, khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Phan Văn V, sinh năm: 1957; địa chỉ: Khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quan lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm: 1964; địa chỉ: ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Bà Nguyễn Tô Bích H, sinh năm: 1967; địa chỉ: Khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Ông Nguyễn Sĩ H, sinh năm: 1971; địa chỉ: Khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp 5, xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Tô Bích L, sinh năm: 1976; địa chỉ: Khu phố Hiệp Nghĩa, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số nhà 11, hẻm số 6, đường 30/4, khu phố 4, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Thanh Đ, sinh năm: 1959; địa chỉ: Khu phố 5, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Anh Trần Duy P, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số nhà 81A, đường 30/4 Nối Dài, khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Bà Lê Thị Ú, sinh năm: 1954; địa chỉ: Số nhà D43/7, khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Bà Hồ Kim H, sinh năm: 1954; địa chỉ: Số 9, hẻm 48, đường Cách mạng tháng Tám, khu phố 3, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Bà Trần Thị N, sinh năm: 1954; địa chỉ: Số nhà 11, khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Ông Lê Hữu N, sinh năm: 1966; địa chỉ: Số 4, tổ 40, đường Triệu Thị Trinh, khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1947; địa chỉ: Khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Ông Trương Văn K, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số nhà 06, đường Chợ Hiệp Trường, khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số nhà 11, hẻm số 6, đường 30/4, khu phố 4, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ VIỆC:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Tô Bích Đ trình bày:

Cha ruột bà cụ Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1943 (chết năm 2013) và mẹ là cụ Tô Thị N, sinh năm: 1944 (chết năm 1989). Cha mẹ bà có 07 người con ruột gồm: Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Tô Bích Đ, Nguyễn Tô Bích H, Nguyễn Tô Đ, Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tô Bích L. Cha mẹ bà không có con nuôi, con riêng. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp diện tích khoảng 972,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là của bà ngoại Tô Thị M, sinh năm: 1917 (chết năm

1985), khai phá được khoảng 01ha để lại cho cha mẹ bà là cụ Đ và cụ N. Năm 1975, gia đình bà sử dụng trồng lúa, bông mì, khoai lang... Lúc đó trên đất có 03 ngôi mộ của gia đình là cụ Tô Công N, Tô Thị H và Tô Văn C. Trên đất cất 01 ngôi nhà lá, vách đất khoảng 50m<sup>2</sup>, cả nhà sinh sống trên phần đất. Năm 1982, cụ N, cụ Đ mâu thuẫn tình cảm nên không thể sống chung nhà. Cụ Đ chuyển về sinh sống ở ấp Hiệp Long, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Cụ N và các con tiếp tục sử dụng đất. Năm 1985, cụ M mất, ông Đ bỏ nhà đi nên cụ N đã sang nhượng cho các hộ liền kề nên diện tích còn lại khoảng 972,5m<sup>2</sup>. Năm 1989, cụ N mất, chị em bà đã lớn, một số người ra ở riêng cùng với chồng, vợ. Phần đất trồng trồng cây hàng năm, phần còn lại là mồ mả của gia tộc khoảng 300m<sup>2</sup>. Hàng năm chị em bà vẫn đến chăm sóc, thờ cúng. Khoảng năm 2011, cụ Đ cho 03 người con trai Đ, H, K mỗi người 01 phần đất tại ấp Hiệp Long, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Tháng 6/2020, ông Đ tự về chiếm dụng hết phần đất nêu trên và xây nhà trái phép trên đất. Chị em bà có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân yêu cầu xử lý. Nay bà yêu Tòa án công nhận phần đất diện tích khoảng 972,5m<sup>2</sup> là di sản của cụ Đ, cụ N để lại. Trong đó khoảng 300m<sup>2</sup> đất đã xây mồ mả không yêu cầu chia. Phần đất trống còn lại chia đều cho chị em mỗi người một phần bằng nhau theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Đ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại là phần đất theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Tô Đ trình bày:*

Cha ruột ông cụ Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1943 (chết năm 2013) và mẹ là cụ Tô Thị N, sinh năm: 1944 (chết năm 1989). Cha mẹ ông có 07 người con ruột gồm: Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Tô Bích Đ, Nguyễn Tô Bích H, Nguyễn Tô Đ, Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tô Bích L. Năm 1981, cụ N, cụ Đ ly hôn thì cụ N có sống chung với ông Nguyễn Văn T và sinh được 01 người con tên là Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1988. Năm 1989, cụ N bị bệnh nặng nên nhờ bà Hội nuôi dùm Nguyễn Tuấn A. Sau đó, cụ N cho người khác nuôi Nguyễn Tuấn A từ đó cho đến nay. Sau khi cụ N chết ông Nguyễn Văn T cũng bỏ đi cho đến nay ông không biết ở đâu. Nguồn gốc phần đất bà Đ đang tranh chấp với ông là của ông Tô Văn A là em ruột của cố Tô Thị H để lại làm nơi chôn cất mồ mả của tổ tiên. Trên phần đất tranh chấp hiện có 30 ngôi mộ. Ông độc thân, không vợ con, không nhà để ở nên về trên đất tổ tiên cất ngôi nhà cấp 4 tiền chết ở để chăm sóc mồ mả cho tổ tiên.

Theo ông biết nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cụ Tô Công H quan tiên hiền làng Hiệp Ninh để lại trên 100 năm. Cụ Tô Văn C gọi Tô Công H bằng cố sinh số trên đất. Cụ Tô Thị H là con Tô Văn C sinh sống trên đất. Cụ Tô Thị H sinh được 9 người con trong đó có bà ngoại là Tô Thị M. Bà M có nhà riêng ở số 309 QL22B, khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh để lại cho cụ Tô Thị N và cụ Nguyễn Thành Đ sinh sống. Năm 1981, cụ N, cụ Đ ly hôn nên bán căn nhà nêu trên. Cụ N và 06 chị em về nhà nội sống. Cụ N và

ông về sống cùng bà M tại phần đất đang tranh chấp. Khi còn sống cụ M đã bán hết phần đất của mình cho ông Na, bà X. Phần đất đang tranh chấp là của ông Tô Văn A (Thầy chùa) lập am trên đất để thờ cúng. Ông A không có vợ con. Từ khi ông A chết đến nay đất bỏ hoang không ai ở. Họ hàng dùng phần đất đó để chôn người chết. Trên đất có 30 ngôi mộ. Thời gian gần đây địa phương không cho chôn người chết trên đất nên vẫn còn đất trống. Năm 2020, ông về trên đất cất căn nhà cấp 4 tiền chế sinh sống và chăm sóc mồ mả thì xảy ra tranh chấp.

Tại phiên Tòa, ông Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Ông xác định phần đất là của dòng họ, không phải di sản của cụ N, cụ Đ để lại. Tài liệu, chứng cứ là hình ảnh các ngôi mộ ông đã chụp nộp cho Tòa án.

- *Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Tô Bích H, Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tô Bích L trình bày:*

Về hàng thừa kế và nguồn gốc phần đất các ông bà thống nhất với ý kiến của bà Đ. Các ông bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ N để lại theo quy định của pháp luật cho 07 người con. Chia bằng hiện vật, các anh chị em nhận đất và cùng đứng tên.

- *Quá trình tố tụng người làm chứng ông Trần Thanh Đ, anh Trần Duy P, bà Lê Thị Ú, bà Hồ Kim H, bà Trần Thị N trình bày:*

Nguồn gốc phần đất bà Đ đang tranh chấp với ông Đ là của dòng họ dùng để làm nơi chôn cất người chết. Trước đây cụ Tô Văn A (thầy chùa) cất am tụng kinh gõ mõ trên đất. Cụ A không có vợ con. Từ khi cụ A chết đến nay đất không có ai ở. Hàng năm con cháu về thắp hương mồ mả. Năm 2020, ông Đ về xin phép các ông bà cất căn nhà cấp 4 tiền chế trên đất ở để chăm sóc mồ mả và các ông bà đồng ý thì lại xảy ra tranh chấp như hiện nay. Bà Đ đang tranh chấp với ông Đ là không đúng. Mong Tòa án xem xét không chia đất dòng họ theo yêu cầu của bà Đ.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Bà là hàng xóm ở sát phần đất tranh chấp từ năm 18 tuổi cho đến nay. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp không phải của cụ Tô Thị M. Cụ Tô Thị M đã bán hết đất cho bà và ông N. Phần đất đang tranh chấp là của cụ Tô Văn A (Thầy chùa) làm am ở trên đất cho đến khi chết. Cụ A không có vợ con. Từ đó đến nay không ai ở, chỉ để làm nơi chôn cất người chết của dòng họ.

- *Người làm chứng ông Trương Văn K trình bày:*

Ông làm trưởng ấp Hiệp Trường (nay là khu phố Hiệp Trường) từ ngày 20-10-1981 cho đến nay. Theo ông biết nguồn gốc phần đất bà Đ đang tranh chấp với ông Đ là của cụ Tô Thị M là bà ngoại của bà Đ, ông Đ. Trước đó phần đất cụ M sử dụng của ai thì ông không rõ. Cụ M có sang nhượng các phần đất xung quang phần đất đang tranh chấp cho ông Ngô Văn N (tự là L), bán một phần cho bà Nguyễn Thị X. Nay bà X bán lại cho ông Nguyễn Văn V. Những người này họ còn sống đủ và ở giáp ranh với phần đất đang tranh chấp. Phần đất còn lại cụ M mất để lại cho

bà Tô Thị N là mẹ ruột của bà Đ, ông Đ. Ông xác định phần đất đang tranh chấp từ trước đến nay chỉ có bà M, bà N và đến nay là ông Đ sinh sống trên đất, không còn ai khác. Ông thấy cụ M bán các phần đất cho những người khác nhưng không ai tranh chấp. Ông thấy trên đất họ hàng có chôn cất người chết. Lý do vì sao chôn cất trên đất thì ông không biết. Nhưng theo ông biết thì hơn 40 năm nay phần đất là của cụ M sử dụng, để lại cho bà N sử dụng. Từ trước đến nay không có ai khác sử dụng ngoài cụ M và bà N. Theo ông biết thì bà N còn có 01 đời chồng sau và còn có 01 người con trai cùng mẹ khác cha với bà Đ, ông Đ. Hiện nay người con đó còn sống nhưng sống ở đâu thì ông không rõ.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 23-9-2022 ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vợ chồng ông hiêm muộn con nên có xin anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1988 là con ruột của bà Tô Thị N làm con nuôi. Từ khi xin về đến nay anh Nguyễn Tuấn A sinh sống cùng với ông bà tại địa chỉ số 11, hẻm số 6, đường 30/4, khu phố 4, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Cuối năm 2021 cho đến nay anh Nguyễn Tuấn A bị đi tù, hiện nay đang thụ hình án ở đâu ông cũng không biết. Ông Nguyễn Văn T đã có vợ và 02 người con trai, hiện nay sinh sống ở đâu ông cũng không biết. Ông xác định anh Nguyễn Tuấn A là con ruột của bà Tô Thị N là con nuôi của ông là thật.

- Ý kiến của luật sư: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông Đ. Lý do nguồn gốc phần đất là của dòng họ, không phải di sản của cụ N để lại như bà Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Tài liệu, chứng cứ là các ngôi mộ cổ đã được chôn cất trên 100 năm tuổi và những người làm chứng trong họ đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt không có ý kiến trình bày.

*Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K, anh A vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ các Điều 613, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông Đ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại theo quy định của pháp luật đối với

phần đất tọa lạc tại khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. An phí và chi phí tố tụng bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Tóa án cần lưu ý về thời hạn giải quyết vụ kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K, Tuấn A vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hàng thừa kế: Bà Đ, bà Đ, bà H, ông H, ông K, bà L xác định cụ Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1943 (chết năm 2013) và cụ Tô Thị N, sinh năm: 1944 (chết năm 1989). Cụ Đ, cụ N có 07 người con ruột gồm: Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Tô Bích Đ, Nguyễn Tô Bích H, Nguyễn Tô Đ, Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tô Bích L. Cụ Đ, cụ N không có con nuôi, con riêng. Ngày 19-9-2022, bà Đ xác định cụ N sau khi ly thân với cụ Đ có cặp với nhiều người đàn ông khác và có sinh ra 01 người con trai hay gái bà và anh chị em bà không biết nhưng đã cho người khác nuôi từ lúc nhỏ. Ông Đ cũng thống nhất con chung của cụ Đ, cụ N như bà Đ trình bày. Nhưng cụ N sau khi ly hôn với cụ Đ có sống chung với cụ T và có 01 người con tên là Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1988. Do bị bệnh nặng nên cụ N nhờ bà H nuôi dùm và sau đó cho vợ chồng ông N làm con nuôi. Qua xác minh ở địa phương bà X cũng xác định cụ N còn có người con ruột là Nguyễn Tuấn A đã cho ông N làm con nuôi. Ông N cũng xác định anh Nguyễn Tuấn A là con ruột của cụ N. Do cụ N bị bệnh nặng, vợ chồng ông hiếm muộn nên đã xin Nguyễn Tuấn A về nuôi từ nhỏ cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ Đ gồm 08 người con là: Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Tô Bích Đ, Nguyễn Tô Bích H, Nguyễn Tô Đ, Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tô Bích L và Nguyễn Tuấn A.

[3] Đối với di sản thừa kế: Bà Đ, bà Đ, bà H, ông H, ông K, bà L xác định cụ N để lại di sản thừa kế là phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.032,1m<sup>2</sup>, trong đó có phần đất mồ mả là 261,4m<sup>2</sup>, phần đất trống còn lại là 770,7m<sup>2</sup>. Tài liệu, chứng cứ bà Đ cung cấp cho Tòa án là sổ tiết kiệm, giấy giới thiệu, đơn xin mua diêm, phiếu mua vật tư của cụ M. Ông Đ xác định phần đất này không phải di sản của cụ N để lại. Phần đất là của cụ Tô Văn A (Thầy chùa), không có vợ con để lại cho dòng họ làm nơi chôn cất người chết. Các ông bà trong dòng họ cũng xác định phần đất bà Đ đang tranh chấp với ông Đ là của dòng họ để làm nơi chôn cất người chết. Hiện nay trên đất có khoảng 30 ngôi mộ. Phần đất trống còn lại chưa có ai đăng ký, kê khai vào sổ mục kê. Bà X, ông N là hàng xóm, người đã sang nhượng phần đất của cụ Tô Thị M cũng xác định phần đất đang tranh chấp là của cụ Tô Văn A chết không có vợ con để lại cho dòng họ làm nơi chôn cất người chết của dòng họ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định phần đất đang tranh chấp không phải là di sản của cụ N để lại là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện: Bà Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại là phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1032.1m<sup>2</sup>, trừ phần đất mồ mả

là 261,4m<sup>2</sup>, phần đất trống còn lại là 770,7m<sup>2</sup>, chia đều cho 07 chị em mỗi người một phần. Nhưng bà Đ không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phần đất đang tranh chấp là của cụ N. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ là phù hợp.

[5] Kết quả đo đạc, định giá:

- Phần đất có diện tích 1.032,1m<sup>2</sup>, quy hoạch lộ giới 27,2m<sup>2</sup>, diện tích còn lại 1004,9m<sup>2</sup>, diện tích mồ mả là 261,4m<sup>2</sup>, phần đất trống còn lại là 743,5m<sup>2</sup>, trích đo thửa 209, tờ bản đồ 37, hiện nay chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai cả.

- Giá đất theo Quyết định 35/2020/QĐ-UBND ngày 01-9-2020 có giá 876.000 đồng x 1004,9m<sup>2</sup> là 880.292.400 đồng.

- Giá đất thực tế 2.121.000 đồng /01m<sup>2</sup> x 743,5m<sup>2</sup> là 1.576.963.500 đồng.

- Diện tích đất mồ mả 261,4m<sup>2</sup> không định giá được.

[6] Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề xuất như trên là có căn cứ.

[7] Ý kiến nêu trên của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ xem xét.

[8] Về chi phí tố tụng: Bà Đ phải chịu 10.024.000 đồng chi phí tố tụng.

[9] Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 613, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tô Bích Đ đối với ông Nguyễn Tô Đ về việc công nhận diện tích đất 972,5m<sup>2</sup> là di sản của cụ N để lại và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại là phần đất diện tích 972,5m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế diện tích 1.032,1m<sup>2</sup>, quy hoạch lộ giới 27,2m<sup>2</sup>, diện tích còn lại 1004,9m<sup>2</sup>, diện tích mồ mả là 261,4m<sup>2</sup>, phần đất trống còn lại là 743,5m<sup>2</sup>), trích đo thửa 209, tờ bản đồ 37, tọa lạc tại ấp Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định pháp luật.

2. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Tô Bích Đ phải chịu 10.024.000 (mười triệu không trăm hai mươi bốn ngàn) đồng chi phí tố tụng. Bà Đ đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Tô Bích Đ phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0009030 ngày 28-7-2020

của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà Đ tiền tạm ứng án phí là 4.700.000 (bốn triệu bảy trăm ngàn) đồng.

5. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS. thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Dương Thị Bích Hằng**







